

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ X  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 212/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 30 - 12 - 2022  
V/v “Tranh chấp ly hôn, chia tài sản  
chung khi ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ X, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thùy Giang

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Lê Thị Thanh Vân

2. Ông Nguyễn Văn Sơn

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Xuân Bích - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố X.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố X tham gia phiên tòa:** Ông Võ Ngọc Mến - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 448/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn, chia tài sản chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 512/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Lê Văn Q, sinh năm 1944

Địa chỉ: Số 472C, Tổ 80, đường hẻm Trần Khánh D, khóm Đ6, phường X, thành phố X, tỉnh An Giang

Nơi ở hiện nay: Số 195/4A, khóm Ph, phường L1, thành phố X, tỉnh An Giang

**- Bị đơn:** Bà Trầm Thị A, sinh năm 1964

Địa chỉ: Số 472C, Tổ 80, đường hẻm Trần Khánh D, khóm Đ6, phường X, thành phố X, tỉnh An Giang

*Tại phiên tòa ông Q và bà A đều có đơn xin vắng mặt.*

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo nội dung đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Lê Văn Q trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Qua tìm hiểu, ông Lê Văn Q và bà Trầm Thị A tự nguyện thương nhau rồi chung sống như vợ chồng với nhau từ năm 1994 đến nay, không có đăng ký kết hôn, không tổ chức lễ cưới vì nghèo. Vợ chồng chung sống được khoảng 25 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Mâu thuẫn vợ chồng xuất phát từ việc: bà A không tin tưởng ông Q, bị mất vàng thì đổ thừa ông Q lấy đến khi tìm được thì viện lý do là nói đùa; con bà A đánh ông Q vô cớ; mỗi khi vợ chồng cự cãi thì bà A chửi bới ông Q, đuổi ông Q đi, vợ chồng cãi nhau mà bà A cầm dao rượt ông Q chạy. Những việc này diễn ra nhiều lần trong suốt thời gian chung sống. Ngoài ra bà A còn hay ăn nhậu với bạn bè, chơi bài bạc, khi ông Q khuyên can thì vợ chồng cự cãi gia đình xào xáo. Ông Q bệnh tật đi nằm bệnh viện thì bà A không quan tâm, chăm sóc. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, ông Q đã cố gắng hàn gắn mà không được. Bây giờ thì không còn tình cảm nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, từ lúc ông Q nộp đơn khởi kiện đến nay thì ông Q đã không sống chung với bà A nữa mà ở nhờ nhà của người em kết nghĩa. Ông Q yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông Q được ly hôn, chấm dứt quan hệ vợ chồng với bà A.

- Về con chung: Ông Q và bà A không có con chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung thì không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông Q và bà A có tài sản chung là quyền sử dụng đối với thửa đất số 305, tờ đồ số 16, tọa lạc tại địa chỉ 472C, Tổ 80, đường hẻm Trần Khánh D, khóm Đ6, phường X, thành phố X, tỉnh An Giang, diện tích 35,5m<sup>2</sup>, hình thức sử dụng: sử dụng riêng, mục đích sử dụng: đất ở tại đô thị, thời hạn sử dụng: lâu dài, nguồn gốc sử dụng: công nhận QSDĐ như giao đất có thu tiền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH05925 do Ủy ban nhân dân thành phố X cấp ngày 31 tháng 8 năm 2016 cho ông Lê Văn Q và bà Trầm Thị A; và một căn nhà gác lửng, kết cấu: bê tông cốt thép, vách xây gạch, trần lợp tole, nền lát gạch men (chưa được công nhận quyền sở hữu nhà ở). Khi khởi kiện, ông Q tự xác định giá trị nhà là 1.200.000.000 đồng, và yêu cầu phân chia tài sản làm 02 phần, ông Q nhận 50% giá trị còn bà A nhận 50% giá trị, ông Q đồng ý giao nhà và đất cho bà A tiếp tục sở hữu, sử dụng còn bà A có trách nhiệm hoàn lại cho ông Q số tiền 600.000.000 đồng. Nhưng nay vợ chồng ông Q đã tự thỏa thuận được vấn đề tài sản, nên ông Q rút yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung khi ly hôn, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung nữa.

- Về chi phí tố tụng: ông Lê Văn Q tự nguyện chịu chi phí định giá, xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc là 4.500.000 đồng (bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

*Bị đơn bà Trầm Thị A trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà A và ông Q chung sống như vợ chồng với nhau từ năm 1994, được gia đình con cháu hai bên ủng hộ, nhưng không đăng ký kết hôn, không tổ chức đám cưới. Quá trình sống chung hai mươi mấy năm thì có việc cự cãi, gây lộn, nhưng không mâu thuẫn trầm trọng mà phải ly hôn. Nhà cửa từ khi chung sống là một mình bà A chăm lo, hằng ngày bà A cơm nước, ông Q chỉ về ăn rồi lại đi chơi. Ông Q cũng hay nhậu hay cờ bạc cá độ đá bóng, rồi còn có người phụ nữ khác ở bên ngoài. Khi ông Q bệnh đi bệnh viện bà A hay được có người phụ nữ khác chăm sóc nên bà A mới không vào chăm, nhưng vẫn hỏi han. Khi ông Q về nhà nằm một chỗ, bà A vẫn chăm sóc chu đáo. Còn những việc vợ chồng cãi nhau như ông Q trình bày thì có, nhưng là vợ chồng cãi nhau bình thường, nhà có hai người mà mất vàng thì bà A cũng chỉ nói không biết sao mà mất, khi bị ông Q đánh thì bà A phải chạy rồi tức quá mới cầm dao dọa lại. Khi ông Q bỏ nhà đi là tự ông Q đi, con của bà A còn gọi điện cho ông Q nói rước về mà ông Q không chịu. Vợ chồng sống với nhau mấy chục năm, bà A còn thương yêu ông Q, còn tình nghĩa vợ chồng. Nhưng nay ông Q kiên quyết ly hôn thì bà A cũng đồng ý ly hôn.

- Về con chung: bà A và ông Q không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: bà A và ông Q không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: bà A và ông Q có 01 tài sản chung là nhà, quyền sử dụng đất như ông Q trình bày. Nhưng tài sản này là một tay bà A gây dựng tích góp để mua, do có trong thời kỳ sống chung thì thành của chung vợ chồng. Nay hai vợ chồng đã tự thỏa thuận được với nhau, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung nữa.

Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành hòa giải; các đương sự đã thống nhất được việc giải quyết vụ án; nhưng do các đương sự chung sống như vợ chồng và không có đăng ký kết hôn. Do đó, Tòa án mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Tại phiên tòa: ông Q và bà A vắng mặt và đều có đơn xin xét xử vắng mặt, giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, là đảm bảo đúng theo trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: (1) Về quan hệ hôn nhân: ông Q và bà A chung sống như vợ chồng từ năm 1994 đến nay, không có đăng ký kết hôn, nay phát sinh mâu thuẫn

nên ông Q và bà A đồng ý ly hôn. Vì vậy, cần tuyên bố không công nhận quan hệ giữa ông Q và bà A là vợ chồng. (2) Về con chung: ông Q và bà A không có con chung, nên không xem xét. (3) Về nợ chung: không có, nên không xem xét. (4) Về tài sản chung: ông Q và bà A xác định ông bà có tài sản chung là một quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 305, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại số 472C, Tổ 80, đường hẻm Trần Khánh D, khóm Đ6, phường X, thành phố X đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất như nêu trên và một căn nhà trên thửa đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu. Ông Q và bà A tự nguyện thỏa thuận về tài sản nên ông Q rút yêu cầu khởi kiện đối với việc chia tài sản. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của ông Q là tự nguyện, không bị ép buộc, lừa dối nên yêu cầu Tòa án đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với việc chia tài sản chung.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đương sự, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: ông Lê Văn Q và bà Trầm Thị A kết hôn nhưng không có đăng ký kết hôn; ông Q khởi kiện yêu cầu ly hôn, chia tài sản chung khi ly hôn với bà A là người hiện đang cư trú trên địa bàn thành phố X. Nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp ly hôn, chia tài sản chung khi ly hôn” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố X.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đối với ông Lê Văn Q và bà Trầm Thị A đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: ông Q và bà A cùng khai nhận ông bà chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1994, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Nay ông Q yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông ly hôn với bà A. Về phía bà A cũng đồng ý ly hôn. Căn cứ quy định tại Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội; khoản 2 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03 tháng 01 năm 2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp, thì việc ông Q và bà A không thực hiện các quy định của pháp luật khi chung sống với nhau mà không đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền là vi phạm pháp luật về hôn nhân và gia đình. Do đó, cần tuyên bố không công nhận ông Q và bà A là vợ chồng.

[3.2] Về con chung và nợ chung: ông Q và bà A xác định ông, bà không có con chung và nợ chung, vì vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét các vấn đề này.

[3.3] Về tài sản chung: ông Q và bà A thống nhất xác định ông, bà có tài sản chung là quyền sử dụng đất với thửa đất số 305, tờ đồ số 16, tọa lạc tại địa chỉ 472C, Tổ 80, đường hẻm Trần Khánh D, khóm Đ6, phường X, thành phố X, tỉnh An Giang, diện tích 35,5m<sup>2</sup> theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH05925 do Ủy ban nhân dân thành phố X cấp ngày 31 tháng 8 năm 2016 cho ông Lê Văn Q và bà Trần Thị A; và một căn nhà gác lửng, kết cấu: bê tông cốt thép, vách xây gạch, trần lợp tole, nền lót gạch men (chưa được công nhận quyền sở hữu nhà ở) tọa lạc trên thửa đất nêu trên. Khi khởi kiện, ông Q yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung của ông và bà A. Tuy nhiên, tại phiên hòa giải ngày 05 tháng 12 năm 2022 ông Q đã có ý kiến và có đơn tự nguyện rút lại yêu cầu chia tài sản chung, ông Q và bà A tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nữa. Do đó, cần đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn theo quy định tại Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về chi phí tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc, định giá tài sản tranh chấp với chi phí phát sinh. Ông Lê Văn Q tự nguyện chịu toàn bộ chi phí định giá, xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc; nên ông Q phải chịu chi phí tố tụng theo quy định pháp luật.

[5] Về án phí: ông Q phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn. Tuy nhiên, do ông Q là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp án phí, nên ông Q không phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ:

- Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147; 157; 165; điểm c khoản 1 Điều 217; Điều 218; các Điều 238; 227; 271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 9; 14; 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội;

- Điều 12, Điều 18 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

- Khoản 2 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03 tháng 01 năm 2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Tuyên bố ông Lê Văn Q và bà Trần Thị A không phải là vợ chồng.

2. Về con chung: Không xem xét.

3. Về nợ chung: Không xem xét.

4. Về tài sản chung: Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia tài sản chung của ông Lê Văn Q đối với bà Trần Thị A.

5. Về chi phí tố tụng: ông Lê Văn Q tự nguyện chịu toàn bộ chi phí định giá, xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc là 4.500.000 đồng (bốn triệu năm trăm nghìn đồng) (đã nộp xong).

6. Về án phí: ông Lê Văn Q được miễn nộp tiền án phí sơ thẩm.

7. Về quyền kháng cáo:

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND t. An Giang (phòng KTNV-THA);
- VKSND tp. X;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS tp. X;
- UBND p. X, tp X;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thùy Giang**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN –  
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Sơn**

**Lê Thị Thanh Vân**

**Nguyễn Thùy Giang**